

YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC MỞ CỦA SINH VIÊN: TỔNG QUAN MÔ TẢ TỪ CƠ SỞ DỮ LIỆU SCIEDIRECT

Nguyễn Cao Hồng Phụng, Trần Thiện Thanh
Trường Đại học KHXX&NV, ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Nghiên cứu này cung cấp cái nhìn tổng quan về yếu tố tác động đến việc sử dụng tài nguyên giáo dục mở (OER) của sinh viên. Nhấn mạnh vai trò quan trọng của những tiến bộ công nghệ trong việc thay đổi các hoạt động giáo dục và sự gia tăng trong việc áp dụng OER tại các cơ sở giáo dục đại học. Các yếu tố tác động đến việc sử dụng OER bao gồm nhận thức của sinh viên, tính dễ sử dụng, chất lượng tài nguyên, ảnh hưởng từ giảng viên, ảnh hưởng của trường, yếu tố chi phí, tác động đến kết quả học tập và thái độ cá nhân. Tài liệu cũng tổng hợp nhiều mô hình lý thuyết khác nhau được sử dụng để phân tích các yếu tố này, như: UTAUT, TAM, TPB và các mô hình khác. Các phát hiện nhấn mạnh sự cần thiết của các nghiên cứu thực nghiệm sâu hơn, đặc biệt là tại các trường đại học ở Việt Nam, để hiểu rõ hơn về tác động của OER đối với việc học tập của sinh viên và vai trò của thư viện trong việc thúc đẩy việc sử dụng OER.

FACTORS AFFECTING STUDENTS' USE OF OPEN EDUCATIONAL RESOURCES: A DESCRIPTIVE REVIEW FROM THE SCIEDIRECT DATABASE

Abstract: This study provides an overview of the factors influencing students' use of open educational resources (OER). It highlights the significant role of technological advancements in transforming educational practices and the increase in OER adoption in higher education institutions. Factors impacting OER usage include students' perceptions, ease of use, resource quality, instructor influence, institutional influence, cost factors, impact on learning outcomes, and personal attitudes. The paper also synthesizes various theoretical models used to analyze these factors such as UTAUT, TAM, TPB, and others. The findings emphasize the need for more in-depth empirical research, especially in universities in Vietnam, to better understand the impact of OER on student learning and the role of libraries in promoting OER adoption.

Keywords: Open educational resources; students; influencing factors.

GIỚI THIỆU

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ đã tạo ra những thay đổi mới trong cách sinh viên tiếp cận và sử dụng tài nguyên học tập. Tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources- OER) với tính chất miễn phí, có thể tái sử dụng và chia sẻ rộng rãi là một trong những lựa chọn tiềm năng cho việc xây dựng và phát triển giáo dục. *Dự thảo Khuyến nghị về Tài nguyên Giáo dục Mở* (Draft Recommendation on Open Educational Resources) [UNESCO, 2019] có nêu: Tài nguyên giáo dục mở là các tài liệu được sử dụng để học, giảng dạy và

nghiên cứu có sẵn ở nhiều định dạng và phương tiện khác nhau. Các tài nguyên này thuộc phạm vi công cộng hoặc bản quyền nhưng đã được phát hành với giấy phép mở, cho phép truy cập, tái sử dụng, điều chỉnh và phân phối lại miễn phí bởi những người khác.

Trong bài viết *Tương lai của OER trong giáo dục đại học* (The Future of OER in higher education) có trích dẫn cuộc khảo sát của công ty nghiên cứu Bay View. Kết quả cho thấy tỷ lệ các nhà giáo dục sử dụng OER làm tài liệu khóa học bắt buộc đã tăng gần gấp đôi (từ 15% lên 29%) từ

năm học 2019-2020 đến 2022-2023. Cũng theo tác giả, tính linh hoạt của OER tăng lên cùng với sự phát triển của GenAI và sự phổ biến ngày càng tăng của những phương pháp học tập mới dựa trên kỹ năng. Những phát triển mới nhất của OER cho phép giảng viên có thể xây dựng chương trình học và sử dụng tài nguyên này để làm cho trải nghiệm giáo dục trở nên hấp dẫn, dễ tiếp cận và phù hợp hơn với tất cả người học [Lindsay, 2024]. OER không chỉ giúp giảm chi phí học tập mà còn tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở giáo dục linh hoạt trong giảng dạy, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và nhu cầu học tập suốt đời ngày càng gia tăng. Các nghiên cứu trước đây có sự khác biệt về cách tiếp cận, đối tượng khảo sát và phương pháp phân tích, dẫn đến những kết luận chưa đồng nhất. Trong nghiên cứu này, tác giả lựa chọn loại hình tổng quan mô tả (narrative review) vì mục tiêu chính là trình bày, hệ thống hóa và phân tích các kết quả nghiên cứu hiện có về các yếu tố tác động đến việc sử dụng OER của sinh viên. Tổng quan mô tả giúp làm rõ các xu hướng nghiên cứu, khoảng trống tri thức và những biến số phổ biến có liên quan đến hành vi sử dụng OER. Sinh viên đại học đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp cận và sử dụng OER. Họ có nhu cầu cao về tài liệu học tập đa dạng và khả năng tự học. Nhiều nghiên cứu cho thấy OER ở bậc đại học đang phát triển mạnh mẽ, liên quan đến chính sách giáo dục mở và chuyển đổi số. Tập trung vào sinh viên giúp xác định các yếu tố thúc đẩy hoặc cản trở việc sử dụng OER trong học tập hiện nay. Về mặt thời gian, phạm vi các tài liệu được giới hạn đến trước tháng 3 năm 2025 nhằm đảm bảo tính cập nhật và độ tin cậy của dữ liệu, đồng thời phù hợp với thời điểm thực hiện bài tổng quan nghiên cứu. Những bài viết được chọn từ cơ sở dữ liệu ScienceDirect, một trong những kho học thuật hàng đầu thế giới, tập trung các ấn phẩm được bình duyệt nghiêm ngặt trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là giáo dục, công nghệ và khoa học xã hội.

Nghiên cứu cung cấp một cái nhìn tổng quan về các yếu tố tác động đến việc sử dụng OER của sinh viên trong giáo dục đại học. Cụ thể, nghiên

cứu hướng đến hai mục tiêu chính: (1) tổng hợp các yếu tố tác động đến hành vi sử dụng OER của sinh viên và (2) xác định các mô hình lý thuyết được ứng dụng trong các nghiên cứu liên quan đến OER.

1. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu về OER đã trải qua một quá trình phát triển đáng kể. Thuật ngữ này chính thức được giới thiệu vào năm 2002. Những nỗ lực ban đầu tập trung vào việc định nghĩa khái niệm OER, khám phá các phương pháp tạo lập và chia sẻ tài nguyên, cũng như làm nổi bật những lợi ích tiềm năng của chúng trong bối cảnh giáo dục [Wiley, Bliss & McEwen, 2014]. Tuy nhiên, những nghiên cứu cũng chỉ ra rằng vẫn còn nhiều vấn đề quan trọng chưa được giải quyết, đặc biệt là liên quan đến các mô hình kinh doanh bền vững và các phương pháp khám phá hiệu quả nguồn tài nguyên. Trong giai đoạn phát triển tiếp theo, các nghiên cứu bắt đầu đi sâu hơn vào việc đánh giá tác động và sự lan tỏa của OER. Wang, Liu, Li & Gao (2017) đã thực hiện một phân tích trắc lượng thư mục (bibliometric). Nghiên cứu này xem xét các công trình nghiên cứu về OER từ năm 2002 đến 2017, xác định các quốc gia, tổ chức và tạp chí đóng góp chính, cũng như các xu hướng và chủ đề nghiên cứu tiêu biểu. Theo đó, chia sự phát triển của OER thành ba giai đoạn gồm: hình thành (2002-2007), khám phá (2008-2011) và ứng dụng (2012-2017). Cũng như nhấn mạnh vai trò của chính sách và nguồn tài trợ trong việc thúc đẩy phong trào OER. Gần đây, các nhà nghiên cứu tập trung vào các khía cạnh bền vững và những thách thức trong việc triển khai OER. Tác giả Adil, Ali, Sultan, Ashiq & Rafiq (2024) đã tiến hành một nghiên cứu đánh giá hệ thống về các lợi ích và thách thức của OER trong môi trường học thuật. Kết quả chỉ ra rằng, OER có thể mở rộng khả năng tiếp cận kiến thức và cải thiện kết quả học tập, nhưng cũng gặp phải thách thức như thiếu thời gian tìm kiếm, vấn đề về bản quyền và đảm bảo chất lượng [Aksoy, Kurşun & Zawacki-Richter, 2025]. Nghiên cứu này tập trung vào việc xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến tính bền vững của các

sáng kiến OER dựa trên khuôn khổ 3M (vĩ mô, trung mô và vi mô); Xác định nhiều yếu tố tác động đến sự bền vững ở các cấp độ khác nhau, bao gồm chính sách của tổ chức, sự hỗ trợ và khuyến khích, thái độ và động lực của giảng viên và sinh viên, khả năng truy cập và chất lượng của tài liệu.

Nhìn chung, phần lớn các nghiên cứu hiện nay về OER tập trung vào định nghĩa, phân tích xu hướng phát triển, đánh giá lợi ích cũng như thách thức chung hoặc tính bền vững của các sáng kiến OER. Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu tổng quan về yếu tố tác động đến việc sử dụng OER của sinh viên đại học. Đây là một khoảng trống lớn cần được thực hiện để hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong việc thúc đẩy hành vi sử dụng OER hiệu quả hơn từ phía sinh viên.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này nhằm cung cấp một cái nhìn tổng quan về các yếu tố tác động đến việc sử dụng OER của sinh viên thông qua việc phân tích các bài báo khoa học từ cơ sở dữ liệu ScienceDirect. Để thu thập dữ liệu, tác giả đã sử dụng chuỗi truy vấn tìm kiếm được thiết kế bao gồm ("Open

Educational Resources" OR "OER") AND ("Higher education" OR "University students" OR "student"). Phạm vi tìm kiếm là từ tháng 3 năm 2025 trở về trước và được giới hạn trong nhan đề tài liệu (title) và từ khóa (keyword) để đảm bảo tính phù hợp của kết quả.

Kết quả tìm kiếm ban đầu đã đưa ra 93 bài báo. Sau khi áp dụng các tiêu chí chọn lọc nghiêm ngặt, bao gồm các tiêu chí về truy cập mở (Open access), ngôn ngữ tiếng Anh và loại hình tài liệu bài báo đánh giá (Review article) và bài báo nghiên cứu (Research article). Phạm vi nghiên cứu của các bài báo được chọn lọc tập trung vào việc sử dụng OER trong môi trường giáo dục đại học, với đối tượng nghiên cứu là sinh viên. Các bài báo được chọn lọc phù hợp với phạm vi nghiên cứu, liên quan đến việc sử dụng OER trong môi trường giáo dục đại học (higher education) và có đối tượng nghiên cứu là sinh viên các trường đại học (university students). Sau quá trình chọn lọc, số lượng bài báo được sử dụng để phân tích là 9 bài (Bảng 1).

Bảng 1. Quy trình thu thập và chọn lọc tài liệu

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Chi tiết
1. Xác định mục tiêu	Tổng quan về các yếu tố tác động đến việc sử dụng OER của sinh viên	Tập trung vào sinh viên trong giáo dục đại học
2. Chiến lược tìm kiếm tài liệu	Truy vấn cơ sở dữ liệu ScienceDirect	- Từ khóa: ("Open Educational Resources" OR "OER") AND ("Higher education" OR "University students" OR "student"); - Giới hạn: Tìm trong tiêu đề và từ khóa, tài liệu xuất bản trước tháng 3/2025; - Kết quả ban đầu: 93 bài.
3. Tiêu chí chọn lọc	Chọn lọc bài viết phù hợp	- Truy cập mở (Open access): 46 bài. - Ngôn ngữ tiếng Anh: 44 bài. - Loại hình: Review article (1 bài) và Research article (39 bài). - Đọc tóm tắt để xác định bài viết có đề cập đến yếu tố tác động tới việc sử dụng OER: 9 bài.
4. Kết quả sàng lọc	Tổng số bài được chọn phân tích	Tổng số bài sau chọn lọc: 9 bài.

Dữ liệu từ 9 bài báo được phân tích theo hướng tổng quan mô tả. Tác giả tiến hành đọc toàn văn và mã hóa nội dung dựa trên yếu tố tác động đến việc sử dụng OER. Các yếu tố này được tổng hợp, phân loại và so sánh để nhận diện các chủ đề phổ biến, điểm tương đồng và khác biệt giữa các nghiên cứu. Ngoài ra, các mô hình lý thuyết được sử dụng trong các nghiên cứu cũng được trích xuất nhằm làm rõ cơ sở phân tích hành vi sử dụng OER của sinh viên.

3. KẾT QUẢ

3.1. Các yếu tố tác động đến việc sử dụng tài nguyên giáo dục mở của sinh viên

Việc sinh viên tiếp cận và tận dụng OER chịu sự chi phối của nhiều yếu tố tương tác lẫn nhau. Dựa trên tổng quan các nghiên cứu hiện hành, có thể xác định một số yếu tố tác động đáng kể đến hành vi sử dụng OER của sinh viên.

Nhận thức về OER

Nhận thức của sinh viên về OER là yếu tố nền tảng ảnh hưởng đến hành vi sử dụng. Nhiều nghiên cứu tại các quốc gia đang phát triển, ví dụ như Ghana, cho thấy sinh viên có mức độ nhận biết cơ bản về OER song thường thiếu kiến thức về các loại hình OER cũng như các nền tảng cung cấp chúng [Menzli, Smirani, Boulahia & Hadjouni, 2022; Ndaago, Kankam & Bentil, 2025]. Các nguồn thông tin phổ biến giúp sinh viên biết đến OER bao gồm thư viện trường đại học, giảng viên, cố vấn học tập, hội nghị chuyên đề và sự giới thiệu từ bạn bè, đồng nghiệp. Trong đó, thư viện nổi lên như một trung tâm thông tin về việc nâng cao nhận thức và cung cấp kiến thức liên quan đến OER cho sinh viên. Bên cạnh đó, sự quen thuộc và khả năng sử dụng hiệu quả các nền tảng quản lý học tập (Learning Management Systems- LMS) phổ biến như Sakai, Moodle hoặc các kho lưu trữ số của trường đại học cũng góp phần thúc đẩy việc sử dụng OER, do sinh viên có xu hướng dễ dàng chấp nhận công nghệ nếu họ hiểu rõ các tính năng và lợi ích của nó [Ndaago và các tác giả khác, 2025]. Tuy nhiên, một rào cản cần lưu ý là sự thiếu hụt các chương trình đào tạo hoặc tập huấn giúp sinh viên và giảng viên kỹ năng tìm kiếm, đánh giá

và sử dụng OER hiệu quả [Menzli và các tác giả khác, 2022; Ndaago và các tác giả khác, 2025].

Thái độ sử dụng

Yếu tố tâm lý cá nhân cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tác động đến hành vi sử dụng OER. Sự sẵn lòng thử nghiệm các phương pháp học tập mới cũng có thể quyết định việc sinh viên chủ động tiếp cận và khai thác OER [Grosch, Berger, Gidion và Romeo, 2014]. Ngoài ra, sinh viên có thái độ tích cực với OER thường là những người đã từng sử dụng và nhận thấy lợi ích từ chúng [Lin & Wang, 2018].

Hành vi sử dụng OER của sinh viên chịu tác động bởi sự tương tác của nhiều yếu tố, bao gồm nhận thức cá nhân, khả năng tiếp cận, chất lượng và mức độ phù hợp của tài liệu, ảnh hưởng từ các tác nhân xã hội (giảng viên, nhà trường, bạn bè), lợi ích tài chính và thái độ cá nhân đối với việc học tập và sử dụng công nghệ.

Tính dễ sử dụng

Theo [McBride & Abramovich, 2022], một trong những ưu điểm lớn nhất của OER là khả năng truy cập tự do, miễn phí và không giới hạn, qua đó mở rộng cơ hội học tập cho nhiều đối tượng. Tuy nhiên, ở một số khu vực, đặc biệt là vùng sâu vùng xa, hạn chế về cơ sở hạ tầng internet vẫn là một vấn đề đáng kể, cản trở việc truy cập [Ndaago và các tác giả khác, 2025]. Bên cạnh đó, tính tiện lợi trong quá trình tìm kiếm, truy cập và sử dụng OER cũng đóng vai trò quyết định đến việc sinh viên có ưu tiên lựa chọn nguồn tài nguyên này hay không [Menzli và các tác giả khác, 2022; Ndaago và các tác giả khác, 2025]. Giao diện người dùng cùng với cơ cấu thông tin rõ ràng của các nền tảng OER là yếu tố quan trọng có thể nâng cao trải nghiệm người dùng và gia tăng mức độ chấp nhận OER [Baas, van der Rijst, Huizinga, van den Berg & Admiraal, 2022].

Chất lượng của OER

Chất lượng của tài liệu là một yếu tố quan trọng tác động đến việc sinh viên lựa chọn sử dụng OER. Một số sinh viên vẫn còn nghi ngờ về chất lượng học thuật của OER do bản chất miễn phí của chúng [Abramovich & McBride, 2018; Baas và

các tác giả khác, 2022]. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu lại cho thấy sinh viên đánh giá OER có chất lượng tương đương, thậm chí cao hơn so với tài liệu truyền thống [Baas và các tác giả khác, 2022; Menzli và các tác giả khác, 2022]. Thêm vào đó, mức độ phù hợp của OER với nội dung khóa học là một yếu tố mang tính quyết định; nếu tài liệu không liên quan trực tiếp đến môn học, sinh viên sẽ không có động lực sử dụng [Mncube & Mthethwa, 2022]. Tuy nhiên, việc đánh giá chất lượng và độ tin cậy của các tài liệu mở đôi khi là một khó khăn do thiếu các tiêu chuẩn đánh giá hoặc công cụ hỗ trợ đánh giá [Menzli và các tác giả khác, 2022; Mncube & Mthethwa, 2022; Ndaago và các tác giả khác, 2025].

Yếu tố chi phí

Một trong những động lực chính khiến sinh viên quan tâm đến OER là khả năng tiết kiệm chi phí so với việc mua tài liệu truyền thống [Abramovich & McBride, 2018; Baas và các tác giả khác, 2022; Lin & Wang, 2018; McBride & Abramovich, 2022; Salem, 2017]. Tuy nhiên, không phải sinh viên nào cũng nhận thức rõ ràng về lợi ích tài chính này hoặc có thể nghi ngờ về chất lượng của các tài liệu miễn phí [Abramovich & McBride, 2018; Baas và các tác giả khác, 2022].

Tác động đến kết quả học tập

Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc giảng viên tích hợp OER vào phương pháp giảng dạy có khả năng tăng cường mức độ tương tác của sinh viên với bài học [McBride & Abramovich, 2022]. Hơn nữa, việc sử dụng OER không những không làm giảm chất lượng học tập mà còn có tiềm năng cải thiện kết quả học tập nhờ tính linh hoạt, khả năng tiếp cận rộng rãi và đa dạng nguồn tài liệu [Baas và các tác giả khác, 2022; McBride & Abramovich, 2022; Menzli và các tác giả khác, 2022].

Ảnh hưởng của giảng viên

Giảng viên đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sinh viên sử dụng OER. Khi giảng viên chủ động khuyến khích và tích hợp OER vào chương trình học, sinh viên sẽ có xu hướng sử dụng nhiều hơn [Abramovich & McBride, 2018; Lin & Wang, 2018]. Hơn nữa, giảng viên cũng có

thể hướng dẫn sinh viên cách truy cập, đánh giá và khai thác hiệu quả các OER [Ndaago và các tác giả khác, 2025]. Bên cạnh đó, việc chia sẻ trực tiếp các OER chất lượng từ giảng viên giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận các nguồn tài liệu phù hợp.

Ảnh hưởng từ nhà trường và thư viện

Các cơ sở giáo dục và thư viện giữ vai trò hỗ trợ nền tảng trong việc phổ biến và khai thác OER. Thư viện không chỉ cung cấp thông tin mà còn hỗ trợ kỹ năng tìm kiếm, đánh giá và sử dụng OER, thậm chí tham gia vào hoạt động xuất bản OER [Baas và các tác giả khác, 2022; McBride & Abramovich, 2022; Ndaago và các tác giả khác, 2025; Salem, 2017]. Những trường đại học có chiến lược và ban hành chính sách rõ ràng về OER thường tạo ra một môi trường học tập thuận lợi, khuyến khích cả sinh viên và giảng viên cùng nhau khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên này [Baas và các tác giả khác, 2022; Mncube & Mthethwa, 2022]. Việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng, cung cấp nền tảng lưu trữ OER và công cụ hỗ trợ cũng là điều kiện cần thiết để nâng cao khả năng truy cập [Mncube & Mthethwa, 2022; Ndaago và các tác giả khác, 2025].

3.2. Mô hình lý thuyết được sử dụng trong các nghiên cứu

Quá trình tổng hợp và phân tích tài liệu các công trình nghiên cứu cho thấy sự đa dạng trong việc ứng dụng các mô hình lý thuyết nhằm khám phá các yếu tố tác động đến hành vi sử dụng OER của sinh viên. Việc vận dụng các khung lý thuyết này không chỉ cung cấp nền tảng vững chắc cho việc phân tích mà còn góp phần làm sâu sắc thêm sự hiểu biết về các động lực và rào cản liên quan đến việc chấp nhận OER.

Một trong những mô hình được ứng dụng phổ biến là Thuyết Chấp nhận và sử dụng công nghệ (Unified Theory of Acceptance and Use of Technology) UTAUT và UTAUT2. Mô hình này cung cấp một lăng kính hữu ích để lý giải hành vi chấp nhận các công nghệ mới, trong đó có cả OER. UTAUT bao gồm bốn yếu tố chính là: kỳ vọng hiệu suất (perceived performance expectancy), kỳ

vọng nỗ lực (perceived effort expectancy), ảnh hưởng xã hội (social influence) và các điều kiện tạo thuận lợi (facilitating conditions). UTAUT2 tiếp tục mở rộng bằng cách bổ sung thêm các yếu tố như động lực thụ hưởng (hedonic motivation), giá trị trao đổi (price value) và thói quen (habit). Nghiên cứu đã sử dụng UTAUT hoặc các biến thể của nó để khám phá cách nhận thức của sinh viên về lợi ích, tính dễ sử dụng, ảnh hưởng từ các tác nhân xã hội và sự hỗ trợ về nguồn lực tác động đến quyết định sử dụng OER [Menzli và các tác giả khác, 2022; Ndaago và các tác giả khác, 2025].

Mô hình Chấp nhận công nghệ TAM (Technology Acceptance Model), tiền thân của UTAUT cũng được viện dẫn trong một số nghiên cứu liên quan đến sự chấp nhận công nghệ trong giáo dục. TAM giúp nhận thức về tính hữu ích (perceived usefulness) và nhận thức về tính dễ sử dụng (perceived ease of use) như là các yếu tố trung tâm ảnh hưởng đến ý định sử dụng công nghệ của người dùng. Trong bối cảnh OER, các yếu tố này được xem xét thông qua việc đánh giá chủ quan của sinh viên về mức độ hữu ích và tính thân thiện của OER đối với nhu cầu học tập của họ [Menzli và các tác giả khác, 2022; Ndaago và các tác giả khác, 2025].

Dù rằng Thuyết hành vi có kế hoạch (TPB-Theory of Planned Behavior) và Thuyết hành vi hợp lý (TRA-Theory of Reasoned Action) không được áp dụng trực tiếp để nghiên cứu OER, nhưng các yếu tố cốt lõi trong hai mô hình này vẫn được lồng ghép trong nhiều nghiên cứu. TPB nhấn mạnh rằng thái độ (attitude), chuẩn chủ quan (subjective norms) và nhận thức về khả năng kiểm soát hành vi (perceived behavioral control) trong việc hình thành ý định hành vi, trong khi TRA tập trung vào thái độ và chuẩn chủ quan. Các yếu tố như thái độ của sinh viên đối với OER, ảnh hưởng từ giảng viên hoặc bạn bè và niềm tin vào khả năng sử dụng OER có thể được phân tích dưới góc nhìn của các mô hình này [Menzli và các tác giả khác, 2022].

Lý thuyết Vượt ranh giới (Boundary Crossing Theory) được ứng dụng trong một nghiên cứu cụ

thể, tập trung vào cách giảng viên sử dụng OER trong quá trình thiết kế khóa học, qua đó đề cập đến vai trò của OER như một "đối tượng trung gian" tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác giữa các nhóm khác nhau trong môi trường giáo dục, bao gồm giảng viên, sinh viên và nhân viên thư viện [McBride & Abramovich, 2022]. Mặc dù nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào giảng viên, nó cũng mở ra những hướng tiếp cận tiềm năng để hiểu rõ hơn về sự tương tác đa chiều giữa các chủ thể trong hệ sinh thái OER.

Mô hình Sinh thái học của Bronfenbrenner (Ecological Model) cũng được đề cập đến trong một nghiên cứu nhằm xây dựng khung lý thuyết phân tích hành vi sử dụng truyền thông của sinh viên. Mô hình này phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi cá nhân theo các cấp độ khác nhau, từ vi mô (bản thân cá nhân), trung mô (môi trường học tập trực tiếp) đến vĩ mô (các yếu tố chính sách và văn hóa xã hội rộng lớn). Trong bối cảnh nghiên cứu về việc sử dụng OER, cách tiếp cận đa tầng này cho phép các nhà nghiên cứu xem xét một cách hệ thống các yếu tố đa dạng có thể tác động đến hành vi của sinh viên [Grosch và các tác giả khác, 2014].

Cuối cùng, Mô hình Thành công của hệ thống thông tin của DeLone & McLean (Information Systems Success Model) cũng được vận dụng như một phần trong khung lý thuyết nghiên cứu sự chấp nhận phương tiện truyền thông. Mô hình này đánh giá sự thành công của một hệ thống thông tin dựa trên các khía cạnh như chất lượng hệ thống, chất lượng thông tin, chất lượng dịch vụ, ý định sử dụng, mức độ hài lòng của người dùng và tác động ròng. Khi được áp dụng vào bối cảnh OER, mô hình này có thể cung cấp một công cụ hữu ích để đánh giá hiệu quả của các sáng kiến OER dựa trên sự hài lòng và tần suất sử dụng của sinh viên [Grosch và c.s., 2014].

Các mô hình lý thuyết đa dạng đã được các nhà nghiên cứu sử dụng để phân tích một cách hệ thống các yếu tố phức tạp ảnh hưởng đến quyết định và hành vi sử dụng OER của sinh viên (Bảng 2).

Bảng 2. Tổng hợp các mô hình/lý thuyết

STT	Tên mô hình/lý thuyết	Mô tả ngắn gọn	Nguồn sử dụng
1	UTAUT/UTAUT2 (Mô hình Hợp nhất về chấp nhận và sử dụng công nghệ)	Bao gồm các yếu tố như kỳ vọng hiệu suất, kỳ vọng nỗ lực, ảnh hưởng xã hội, điều kiện tạo thuận lợi; UTAUT2 bổ sung thêm động lực thụ hưởng, giá trị trao đổi và thói quen. Được dùng để nghiên cứu hành vi chấp nhận công nghệ, trong đó có OER.	Menzli và các tác giả khác (2022); Ndaago và các tác giả khác (2025)
2	TAM (Mô hình Chấp nhận công nghệ)	Tiền thân của UTAUT, tập trung vào nhận thức về tính hữu ích và tính dễ sử dụng của công nghệ như các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng. Dù không trực tiếp áp dụng cho OER, nhiều yếu tố liên quan được sử dụng gián tiếp trong các nghiên cứu.	Menzli và các tác giả khác (2022); Ndaago và các tác giả khác (2025)
3	TPB/TRA (Lý thuyết Hành vi có kế hoạch/Lý thuyết Hành động hợp lý)	Nhấn mạnh vai trò của ý định hành vi, được hình thành từ thái độ, chuẩn chủ quan và khả năng kiểm soát hành vi (trong TPB). Áp dụng tiềm năng để phân tích các yếu tố như thái độ của sinh viên với OER, ảnh hưởng từ giảng viên và bạn bè.	Menzli và các tác giả khác (2022)
4	Boundary Crossing Theory (Mô hình Vượt ranh giới)	Xem OER như một “đối tượng trung gian,” tạo điều kiện cho hiện tượng “vượt ranh giới” giữa các nhóm (giảng viên - sinh viên - thư viện), qua đó thúc đẩy sự hợp tác và thay đổi hành vi.	McBride & Abramovich (2022)
5	Ecological Model (Mô hình Sinh thái học)	Phân tích hành vi cá nhân chịu ảnh hưởng từ các cấp độ môi trường: vi mô, trung mô và vĩ mô. Trong bối cảnh OER, có thể áp dụng để xem xét tác động của cá nhân, môi trường học tập, chính sách và văn hóa xã hội.	Grosch và các tác giả khác (2014)
6	Information Systems Success Model (Mô hình Thành công của hệ thống thông tin)	Đánh giá sự thành công của hệ thống thông tin qua các yếu tố: chất lượng hệ thống, chất lượng thông tin, chất lượng dịch vụ, ý định sử dụng, sự hài lòng và tác động ròng. Áp dụng để đo mức độ thành công của các sáng kiến OER với người học.	Grosch và các tác giả khác (2014)

Việc áp dụng các mô hình này không chỉ giúp xây dựng cơ sở lý thuyết vững chắc cho nghiên cứu mà còn tạo nền tảng cho việc xây dựng giả thuyết, lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp và giải thích các kết quả một cách hệ thống.

4. THẢO LUẬN

Từ các kết quả tổng hợp nghiên cứu trước đây, có thể thấy hành vi sử dụng OER của sinh viên chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố tương tác phức tạp, từ yếu tố cá nhân cho đến yếu tố tổ chức và hệ thống. Việc phân tích các yếu tố này không chỉ góp phần nhận diện các rào cản và động lực

thúc đẩy hành vi sử dụng, mà còn cung cấp cơ sở để xây dựng các chiến lược can thiệp phù hợp nhằm nâng cao mức độ tiếp cận và khai thác OER trong môi trường giáo dục đại học.

Thứ nhất, yếu tố nhận thức và thái độ cá nhân đóng vai trò nền tảng. Những sinh viên có hiểu biết và trải nghiệm tích cực với OER thường có xu hướng sử dụng nguồn tài nguyên thông tin này nhiều hơn. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu vẫn chỉ ra mức độ nhận biết còn hạn chế, cũng như sự thiếu hụt các kỹ năng tìm kiếm, đánh giá và sử dụng tài nguyên mở. Điều này đặt ra nhu cầu cấp thiết về

việc tổ chức các chương trình tập huấn, hướng dẫn, đồng thời nâng cao nhận thức thông qua truyền thông hoặc tích hợp vào nội dung học tập.

Thứ hai, sự hỗ trợ từ giảng viên và cơ sở giáo dục được chứng minh là yếu tố then chốt ảnh hưởng đến việc sinh viên có lựa chọn sử dụng OER hay không. Các nghiên cứu cho thấy khi giảng viên chủ động tích hợp OER vào giảng dạy thì sinh viên không những có cơ hội tiếp cận dễ dàng hơn mà còn phát triển kỹ năng sử dụng thông tin một cách chủ động. Thư viện và nhà trường cũng đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp hạ tầng, nền tảng lưu trữ và các dịch vụ hỗ trợ học thuật liên quan đến OER.

Thứ ba, vấn đề chất lượng và tính phù hợp của OER cũng được quan tâm. Một mặt, có sinh viên đánh giá OER có chất lượng tương đương với tài liệu truyền thống; mặt khác, vẫn tồn tại những nghi ngờ do thiếu tiêu chuẩn đánh giá rõ ràng. Do đó, một hướng tiếp cận quan trọng là xây dựng hệ thống phản hồi, đánh giá ngang hàng, hoặc gắn nhãn chất lượng để sinh viên và giảng viên có thể an tâm khi lựa chọn tài liệu.

Thứ tư, các mô hình lý thuyết, như: UTAUT, TAM, TPB, TRA,... cung cấp khung phân tích logic giúp lý giải hành vi chấp nhận và sử dụng OER. Việc vận dụng linh hoạt các mô hình này còn tùy thuộc vào mục tiêu nghiên cứu, bối cảnh địa phương và đối tượng nghiên cứu cụ thể. Tuy nhiên, vẫn còn ít nghiên cứu áp dụng kết hợp nhiều mô hình để phân tích toàn diện hơn, đồng thời ít chú ý đến yếu tố văn hóa - xã hội, đặc biệt trong bối cảnh của các quốc gia đang phát triển.

Một điểm đáng chú ý là khoảng trống nghiên cứu hiện nay chủ yếu nằm ở việc thiếu các nghiên cứu thực nghiệm tại các trường đại học Việt Nam, nơi OER vẫn chưa được khai thác mạnh. Ngoài ra, chưa có nhiều công trình đi sâu vào vai trò của thư viện trong việc xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ OER hoặc đánh giá tác động cụ thể của OER đến kết quả học tập của sinh viên.

KẾT LUẬN

Qua quá trình tổng quan các nghiên cứu trước đây từ cơ sở dữ liệu ScienceDirect, bài viết đã xác định và phân tích các yếu tố tác động đến việc sử

dụng OER của sinh viên. Bốn nhóm yếu tố nổi bật bao gồm: (1) nhận thức và thái độ cá nhân; (2) sự hỗ trợ từ giảng viên và cơ sở giáo dục; (3) chất lượng và mức độ phù hợp của tài nguyên OER; và (4) cơ sở lý thuyết và mô hình phân tích hành vi sử dụng. Những yếu tố này không tồn tại riêng lẻ mà có mối quan hệ tương trợ, ảnh hưởng qua lại đến hành vi sử dụng OER trong môi trường giáo dục đại học.

Kết quả tổng quan cho thấy phần lớn các nghiên cứu đều thống nhất về vai trò quan trọng của nhận thức và sự hỗ trợ từ nhà trường, đặc biệt là từ giảng viên, trong việc thúc đẩy hành vi tiếp cận OER. Tuy nhiên, một số yếu tố khác như chất lượng tài nguyên, mức độ tương thích với chương trình học hay cơ chế khuyến khích sinh viên sử dụng OER vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ hoặc mới chỉ tiếp cận ở mức định tính.

Bài tổng quan vẫn tồn tại một số hạn chế về nguồn tài liệu chỉ được thu thập từ một cơ sở dữ liệu duy nhất là ScienceDirect, điều này có thể làm hạn chế độ bao quát và đa dạng trong việc tổng hợp kết quả từ các công trình khoa học. Tiếp đến, phần lớn tài liệu phân tích là nghiên cứu nước ngoài; trong khi đó, các nghiên cứu khoa học về OER tại Việt Nam, đặc biệt ở cấp độ sinh viên đại học, vẫn còn khan hiếm và chưa được tích hợp vào tổng quan.

Trong tương lai, các nghiên cứu có thể tập trung làm rõ vai trò của thư viện đại học trong việc hỗ trợ sinh viên tiếp cận, khai thác và sử dụng hiệu quả các tài nguyên OER; khảo sát mức độ sẵn sàng và khả năng áp dụng OER vào giảng dạy của giảng viên, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực và nhận thức của đội ngũ này; xây dựng và kiểm định các mô hình dự báo hành vi sử dụng OER phù hợp với đặc điểm và điều kiện thực tiễn của môi trường giáo dục đại học tại Việt Nam; đồng thời đánh giá tác động cụ thể của việc sử dụng OER đến kết quả học tập, khả năng tự học và phát triển kỹ năng học tập suốt đời của sinh viên. Việc tiếp tục mở rộng và nghiên cứu sâu trong lĩnh vực này có thể giúp xây dựng một hệ sinh thái OER bền vững và hiệu quả, góp phần thúc đẩy giáo dục mở và học tập suốt đời trong kỷ nguyên số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abramovich, S., & McBride, M. (2018). Open education resources and perceptions of financial value. *The Internet and Higher Education*, 39, 33-38. <https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2018.06.002>
2. Adil, H. M., Ali, S., Sultan, M., Ashiq, M., & Rafiq, M. (2024). Open education resources' benefits and challenges in the academic world: a systematic review. *Global Knowledge, Memory and Communication*, 73(3), 274-291. <https://doi.org/10.1108/GKMC-02-2022-0049>
3. Aksoy, D. A., Kurşun, E., & Zawacki-Richter, O. (2025). Factors affecting the sustainability of open educational resource initiatives in higher education: A systematic review. *Review of Education*, 13(1). <https://doi.org/10.1002/rev3.70029>
4. Baas, M., van der Rijst, R., Huizinga, T., van den Berg, E., & Admiraal, W. (2022). Would you use them? A qualitative study on teachers' assessments of open educational resources in higher education. *The Internet and Higher Education*, 54, 100857. <https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2022.100857>
5. Grosch, M., Berger, R., Gidion, G., & Romeo, M. (2014). Which Media Services do Students Use in Fact? Results of an International Empirical Survey. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 141, 795-806. <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2014.05.139>
6. Lin, Y.-J., & Wang, H.-C. (2018). Using enhanced OER videos to facilitate English L2 learners' multicultural competence. *Computers & Education*, 125, 74-85. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2018.06.005>
7. Lindsay, J. (2024, Tháng Bảy). The future of OER in higher education. AACSB. <https://www.aacsb.edu/insights/articles/2024/05/the-future-of-oer-in-higher-education>
8. McBride, M., & Abramovich, S. (2022). Crossing the boundaries through OER adoption: Considering open educational resources (OER) as boundary objects in higher education. *Library & Information Science Research*, 44(2), 101154. <https://doi.org/10.1016/j.lisr.2022.101154>
9. Menzli, L. J., Smirani, L. K., Boulahia, J. A., & Hadjouni, M. (2022). Investigation of open educational resources adoption in higher education using Rogers' diffusion of innovation theory. *Heliyon*, 8(7), e09885. <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2022.e09885>
10. Mncube, L. S., & Mthethwa, L. C. (2022). Potential ethical problems in the creation of open educational resources through virtual spaces in academia. *Heliyon*, 8(6), e09623. <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2022.e09623>
11. Ndaago, A. I., Kankam, P. K., & Bentil, W. (2025). Awareness and knowledge of Open Educational Resources (OERs) among postgraduate students in Ghanaian universities. *Scientific African*, 28, e02659. <https://doi.org/10.1016/j.sciaf.2025.e02659>
12. Salem, J. A. (2017). Open Pathways to Student Success: Academic Library Partnerships for Open Educational Resource and Affordable Course Content Creation and Adoption. *Journal of Academic Librarianship*, 43(1), 34-38. <https://doi.org/10.1016/j.acalib.2016.10.003>
13. UNESCO. (2019). Draft Recommendation on Open Educational Resources. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000370936>
14. Wang, X., Liu, M., Li, Q., & Gao, Y. (2017). A Bibliometric Analysis of 15 Years of Research on Open Educational Resources. *International Conference on Computers in Education*.
15. Wiley, D., Bliss, T. J., & McEwen, M. (2014). Open Educational Resources: A Review of the Literature. *Trong Handbook of Research on Educational Communications and Technology* (tr 781-789). Springer New York. https://doi.org/10.1007/978-1-4614-3185-5_63

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 12-8-2025;

Ngày phản biện đánh giá: 11-9-2025;

Ngày chấp nhận đăng: 15-10-2025